

Bản án số: 47/2023/DS-ST

Ngày: 26-4-2023

V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

Với T phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Cảnh

2. Bà Trần Ngọc Diệu

- **Thư ký phiên tòa:** bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2023/QĐST - DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Bưu Điện L (LPB); địa chỉ: tầng 1, 3, 4, 5, 6 Toà nhà Thaiholdings, số 210, đường T, phường T1, quận H, Tp. H. *Người đại diện theo pháp luật:* ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc. *Đơn vị được ủy quyền:* Ngân hàng TMCP Bưu Điện L – chi nhánh B. *Người đại diện theo ủy quyền:* bà Trần Ngọc P – Giám đốc chi nhánh B; *Người đại diện theo ủy quyền của bà P:* bà Ngô Mỹ T, sinh năm 1993; địa chỉ: khu phố 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn T sinh năm 1976 (vắng mặt); bà Võ Thị P sinh năm 1979 (vắng mặt); cùng địa chỉ: ấp 5B, thị trấn G, huyện G, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu Điện L và người đại diện theo ủy quyền là bà Ngô Mỹ T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị P đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD26C20210177 ngày 17/11/2021 với Ngân hàng TMCP Bưu điện L – chi

nhánh B – PGD G. Hai bên thống nhất cho ông T và bà P vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau:

1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HDTD26C20210177 ngày 17/11/2021: số tiền cho vay 180.000.000 đồng; dư nợ gốc đến ngày 27/12/2022: 179.952.121 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn chăn nuôi dê; thời hạn hạn mức tín dụng: 36 tháng (từ ngày 17/11/2021 đến ngày 16/11/2024); kỳ hạn trả nợ gốc và lãi: gốc trả cuối kỳ; lãi trả vào ngày 05 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Theo Hợp đồng tín dụng số HDTD26C20210177 ngày 17/11/2021 và khế ước nhận nợ số 26C20210177/01 ngày 17/11/2021, ông T và bà P đã ký nhận nợ số tiền là 180.000.000 đồng.

Theo định kỳ trả nợ gốc và lãi vào ngày 07/11/2022, ông T và bà P phải thanh toán nợ gốc và lãi. Tuy nhiên đến nay, ông T và bà P vẫn không thực hiện đúng theo cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nợ quá hạn, làm việc trực tiếp và khách hàng cam kết sẽ thanh toán nhưng sau đó không thực hiện đúng cam kết. Tính đến ngày 27/12/2022, khoản vay đã quá hạn 50 ngày.

2) Thẻ tín dụng: hạn mức thẻ tín dụng 15.000.000 đồng; dư nợ thẻ tín dụng tính đến hết ngày 30/3/2021: 248.755 đồng.

Theo giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/3/2021 giữa ông T và Ngân hàng. Đến ngày 27/12/2022, ông T vẫn chưa thanh toán hết cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi của dư nợ thẻ tín dụng đến hạn từ ngày 05/12/2022 đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần gửi Thông báo nợ quá hạn nhưng khách hàng không hợp tác. Tính đến ngày 27/12/2022, dư nợ thẻ tín dụng đã quá hạn 22 ngày.

3/ Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông T, bà P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 001/2020/HĐTC/PGDGiongTrom ngày 06/01/2020 được ký kết giữa ông T, bà P và Ngân hàng số công chứng 07, quyển số 01 được xác lập và chứng nhận ngày 06/01/2020 tại UBND thị trấn G (G, B), cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 553018, số theo sổ cấp giấy chứng nhận CS04843 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/12/2019: thửa đất 169, tờ bản đồ 5, diện tích 1.708,1m², tọa lạc tại thị trấn G (G, B).

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc khách hàng thanh toán nợ vay đúng cam kết nhưng khách hàng không thực hiện. Căn cứ điều 8 Hợp đồng tín dụng số HDTD26C20210177 ngày 17/11/2021 và giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/3/2021 Ngân hàng yêu cầu ông T và bà P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số HDTD26C20210177 ngày 17/11/2021 và khế ước nhận nợ số 26C20210177/01 ngày

17/11/2021, số tiền nợ gốc, nợ lãi thẻ tín dụng với tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 27/12/2022 là 184.378.587 đồng. Cụ thể:

a) Khế ước nhận nợ số: 26C20210177/01 ngày 17/11/2021, số tiền phải thanh toán là 184.019.532 đồng (gồm: dư nợ gốc 179.952.121 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn 4.067.411 đồng).

b) Thẻ tín dụng: số tiền phải thanh toán là 359.055 đồng (gồm: dư nợ thẻ tín dụng 224.380 đồng, lãi 24.675 đồng, phí 110.000 đồng).

Đồng thời yêu cầu ông T, bà P tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 28/12/2022 cho đến khi trả tất nợ. Lãi trong hạn, lãi quá hạn tính theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số: HDTD26C20210177 ngày 17/11/2021, khế ước nhận nợ số 26C20210177/01 ngày 17/11/2021 và giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/3/2021 và các cam kết ký kết với Ngân hàng cho đến khi tất toán khoản vay. Thanh toán một lần ngay sau khi quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông T, bà P không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số: 001/2020/HDTCPGDGiongTrom ngày 06/01/2020 theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp đã ký và đúng quy định của pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị P vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông T và bà P có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến hết ngày 27/12/2022 là 184.378.587 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD26C20210177 ngày 17/11/2021 và Khế ước nhận nợ số 26C20210177/01 ngày 17/11/2021, giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/3/2021 và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/12/2022 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: HDTD26C20210177 ngày 17/11/2021, khế ước nhận nợ số 26C20210177/01 ngày 17/11/2021, giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày

30/3/2021 và các cam kết ký kết với Ngân hàng cho đến khi trả tất nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Các khoản vay của bị đơn đối với nguyên đơn đều được lập T văn bản. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: HDTD26C20210177 ngày 17/11/2021, khế ước nhận nợ số 26C20210177/01 ngày 17/11/2021, giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/3/2021, ông T, bà P có ký kết hợp đồng vay tiền và ký giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với nguyên đơn. Do ông T, bà P đã nhận tiền vay, sử dụng thẻ tín dụng nhưng vi phạm nghĩa vụ trả lãi và nợ gốc theo như thỏa thuận nên hai bên phát sinh tranh chấp. Tổng dư nợ cho hai khoản tạm tính đến hết ngày 27/12/2022 là 184.378.587 đồng. Cụ thể:

- Khế ước nhận nợ số: 26C20210177/01 ngày 17/11/2021, số tiền phải thanh toán là 184.019.532 đồng (gồm: dư nợ gốc 179.952.121 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn 4.067.411 đồng);

- Thẻ tín dụng: số tiền phải thanh toán là 359.055 đồng (gồm: dư nợ thẻ tín dụng 224.380 đồng, lãi 24.675 đồng, phí 110.000 đồng).

[2] Trong quá trình tố tụng, ông T, bà P không có văn bản trình bày ý kiến phản bác cũng như không cung cấp chứng cứ chứng minh về việc đã trả xong các khoản vay trên cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà P phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi còn thiếu là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 553018, số theo sổ cấp giấy chứng nhận CS04843 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/12/2019: thửa đất 169, tờ bản đồ 5, diện tích 1.708,1m², tọa lạc tại thị trấn G (G, B) do ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị P đứng tên quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy. Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 001/2020/HĐTC/PGDGiong Trom ngày 06/01/2020, ông T, bà P có tự nguyện ký kết hợp đồng, thế chấp cho Ngân hàng tài sản trên để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, chi phí, bồi thường thiệt hại và các khoản phải trả khác theo các hợp đồng cho vay, bảo lãnh, chiết khấu, ứng trước và các cam kết khác. Xét về hình thức: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 001/2020/HĐTC/PGDGiong Trom ngày 06/01/2020 có chứng thực tại UBND thị trấn G (G, B) và đã thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật. Xét về nội dung: bên thế chấp là chủ quyền sử dụng đất nêu trên nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp.

[4] Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 317, 320, 323, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (184.378.587đ x 5%): do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T và bà P phải liên đới nộp số tiền 9.218.929 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 317, 320, 323, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (do Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – chi nhánh B – Phòng Giao dịch G đại diện nhận) số tiền 184.378.587đ (một trăm tám mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng). Gồm:

a) Khế ước nhận nợ số: 26C20210177/01 ngày 17/11/2021, số tiền phải thanh toán là 184.019.532đ (một trăm tám mươi bốn triệu không trăm mười chín nghìn năm trăm ba mươi hai đồng). Gồm:

- Dư nợ gốc: 179.952.121đ (một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm năm mươi hai nghìn một trăm hai mươi một đồng);

- Lãi trong hạn: 0 đồng;

- Lãi quá hạn: 4.067.411đ (bốn triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm mười một đồng).

b) Thẻ tín dụng: số tiền phải thanh toán là 359.055đ (ba trăm năm mươi chín nghìn không trăm năm mươi lăm đồng). Gồm:

- Dư nợ thẻ tín dụng: 224.380đ (hai trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi đồng);

- Lãi: 24.675đ (hai mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng);

- Phí: 110.000đ (một trăm mười nghìn đồng).

Ông T, bà P phải tiếp tục trả lãi vay phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: HDTD26C20210177 ngày 17/11/2021, khế ước nhận nợ số 26C20210177/01 ngày 17/11/2021 và giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 30/3/2021 và các cam kết ký kết với Ngân hàng từ ngày 28/12/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông T, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (do Ngân

hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – chi nhánh B – Phòng Giao dịch G đại diện) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 553018, số theo sổ cấp giấy chứng nhận CS04843 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 12/12/2019: thửa đất 169, tờ bản đồ 5, diện tích 1.708,1m², tọa lạc tại thị trấn G (G, B) do ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị P đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị P có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền là 9.218.929đ (chín triệu hai trăm mười tám nghìn chín trăm hai mươi chín đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (do Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – chi nhánh B – Phòng Giao dịch G đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.609.000đ (bốn triệu sáu trăm lẻ chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000163 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Ngọc Duyên